

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Thị Ngọc	Thảo	3671040113	01/10/1993	4,00	10,00	8,20	
2	Phạm Qui	Tông	3671040683	04/10/1993	3,00	,00	,90	
3	Trần	Tuấn	3671040684	02/02/1994	,00	,00	,00	
4	Nguyễn Tuấn	Khanh	3671040694	22/12/1994	3,00	3,00	3,00	
5	Nguyễn Văn	Hải	3671040710	18/03/1993	4,00	2,50	3,00	
6	Đoàn Lập	Công	3671040718	16/07/1993	3,00	3,00	3,00	
7	Nguyễn Anh	Tuấn	3671040746	20/08/1994	2,00	3,50	3,10	
8	Nguyễn Đức	Phương	3671040770	28/02/1993	4,00	5,00	4,70	
9	Đoàn Công	Tuấn	3671040773	24/08/1994	4,00	3,00	3,30	
10	Võ Văn	Mừng	3671040779	29/09/1994	5,00	7,50	6,80	
11	Trương Lưu Trường	Giang	3671040803	07/02/1994	,00	,00	,00	
12	Lê Bùi Duy	Tân	3671040884	03/02/1993	2,00	,00	,60	
13	Lê Xuân	Vinh	3671040890	18/01/1993	4,00	5,00	4,70	
14	Hà Thanh	Thời	3671040907	06/06/1993	3,00	3,00	3,00	
15	Trịnh Trung	Chánh	3671040911	29/07/1993	6,00	3,00	3,90	
16	Dương Thanh	Minh	3671040934	29/11/1994	2,00	2,50	2,40	
17	Nguyễn Xuân	Diệu	3671040965	20/04/1994	3,00	3,00	3,00	
18	Phan Thế	Mạnh	3671040975	11/06/1993	3,00	2,00	2,30	
19	Bùi Tuấn	Nhon	3671040995	10/05/1993	3,00	1,50	2,00	
20	Đoàn Tuấn	Khải	3671041003	17/05/1994	2,00	4,00	3,40	
21	Nguyễn Tú	Đông	3671041006	11/10/1994	4,00	,00	1,20	
22	Lê Trần Anh	Nhật	3671041010	05/05/1994	,00	,00	,00	CT
23	Phạm Ngọc	Tĩnh	3671041018	20/01/1993	,00	,00	,00	
24	Lê Công	Đức	3671041035	06/11/1994	3,00	3,00	3,00	
25	Nguyễn Trường	Kỳ	3671041047	22/04/1993	,00	,00	,00	CT
26	Nguyễn Đức	Kiên	3671041100	14/02/1991	,00	,00	,00	CT
27	Đặng Trọng	Quân	3671041966	14/09/1993	3,00	,00	,90	
28	Nguyễn Đình	Huy	3671041990	06/11/1994	,00	,00	,00	
29	Trần Công	Đức	3671042044	04/04/1994	,00	,00	,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)